CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BIÊN BẢN
Công khai các khoản lương tháng 02 /2022

***Thời gian** : 16h00' ngày 05 tháng 02 năm 2022

***Địa điểm**: Phòng Hội đồng trường Mầm non Đông Dư

***Thành phần**:

1.Đ/c: Nguyễn Thị Phương Anh	- Hiệu trưởng
2. Đ/c: Nguyễn Thị Tuyến	- Phó Hiệu trưởng – BCH Công đoàn
3. Đ/c : Trần Thị Vân Anh	- Phó Hiệu trưởng
4. Đ/c: Nguyễn Thị Quỳnh Lan	- Kế toán
5. Đ/c: Nguyễn Thị Thu Hằng	- Văn phòng – Thư ký
6. Đ/c: Đỗ Thị Tuyết	- Tổ trưởng tổ dạy
7.Đ/c: Nguyễn Thị Bích Ngọc	- Tổ trưởng tổ nuôi

*** Nội dung:** Công khai các khoản lương tháng 02 năm 2022

- Thực hiện thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28/12/2017 ban hành qui chế thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục đào tạo, hệ thống giáo dục quốc dân.

Chúng tôi tiến hành lập biên bản về việc niêm yết công khai các khoản lương tháng 02 năm 2022 để những người có liên quan tham gia đóng góp ý kiến dưới sự chứng kiến của các đồng chí có mặt ở trên.

Tài liệu niêm yết gồm: Biểu mẫu thông báo công khai các khoản lương tháng 02 năm 2022.

Thời gian niêm yết công khai : từ ngày 05/02/2022 đến hết ngày 09/02/2022

Địa điểm công khai : Tại văn phòng trường mầm non Đông Dư

Biên bản kết thúc vào lúc 16h30 cùng ngày, với sự nhất trí của 100% các đồng chí có mặt dự chứng kiến nội dung , hình thức công khai trên.

Thư ký	Đại Diện Công đoàn	Hiệu trưởng
Nguyễn Thị Thu Hằng	Nguyễn Thị Tuyến	Nguyễn Thị Phương Anh

ĐƠN VỊ: TRƯỜNG MẦM NON ĐÔNG DƯ

Địa chỉ: Đông Dư - Gia Lâm - Hà Nội

BẢNG THANH TOÁN TIỀN LƯƠNG

Tháng 02 năm 2022

Đơn vị tính: Đồng

STT	Họ và tên	CV	Hệ số					Thành tiền					Tổng lương	Các khoản khấu trừ	Thực lĩnh	Ghi chú
			L CB	Phụ cấp CV	PCTNNG	Phụ cấp TN	Phụ cấp ngành	Lương CB	Phụ cấp CV	PC thâm niên NG	PCTN	Phụ cấp ngành		10,5%BHXH ,BHYT, BHTN		
I	Biên Chế															
1	Nguyễn Thị Phương Anh	HT	3.34	0.50	0.5760		1.3440	4,976,600	745,000	858,240		2,002,560	8,582,400	690,883	7,884,853	TPCTN
2	Nguyễn Thị Tuyến	HP	3.34	0.35	0.5535		1.2915	4,976,600	521,500	824,715		1,924,335	8,247,150	663,896	7,583,254	
3	Trần Thị Vân Anh	HP	3.34	0.35	0.5535		1.2915	4,976,600	521,500	824,715		1,924,335	8,247,150	663,896	7,583,254	
4	Nguyễn T Thu Hằng	VP	3.06	0.20				4,559,400	298,000				4,857,400	510,027	4,347,373	
5	Nguyễn Hải Yến	YT	2.46				0.4920	3,665,400				733,080	4,398,480	384,867	4,013,613	
6	Nguyễn Thanh Loan	GV	2.72		0.2448		0.9520	4,052,800		364,752		1,418,480	5,836,032	463,843	5,372,189	
7	Nguyễn Thúy Kiều	GV	3.26		0.5868		1.1410	4,857,400		874,332		1,700,090	7,431,822	601,832	6,829,990	
8	Ngô Ngọc San	GV	3.34		0.5010		1.1690	4,976,600		746,490		1,741,810	7,464,900	600,924	6,863,976	TPCTN
9	Lê Thị Liên	GV	3.34	0.20	0.4602		1.2390	4,976,600	298,000	685,698		1,846,110	7,806,408	625,831	7,180,577	
10	Lê Thanh Tuyền	GV	3.03		0.3636		1.0605	4,514,700		541,764		1,580,145	6,636,609	530,929	6,105,680	
11	Đào Thái Hậu	GV	3.03	0.20	0.3553		1.1305	4,514,700	298,000	529,397		1,684,445	7,026,542	560,920	6,465,622	
12	Đỗ Thị Tuyết	GV	3.03	0.20	0.3553		1.1305	4,514,700	298,000	529,397		1,684,445	7,026,542	560,920	6,465,622	
13	Đào Thị Thu Hà	GV	3.03		0.3333		1.0605	4,514,700		496,617		1,580,145	6,591,462	526,188	6,065,274	
14	Lê Thị Hoan	GV	3.03		0.3333		1.0605	4,514,700		496,617		1,580,145	6,591,462	526,188	6,065,274	
15	Nguyễn Thị Hà	GV	3.03		0.3333		1.0605	4,514,700		496,617		1,580,145	6,591,462	526,188	6,065,274	
16	Lê Thị Thuận	GV	3.03		0.3333		1.0605	4,514,700		496,617		1,580,145	6,591,462	526,188	6,065,274	
17	Nguyễn Thu Hoài	GV	2.41		0.1446		0.8435	3,590,900		215,454		1,256,815	5,063,169	399,667	4,663,502	
18	Đoàn Thanh Huyền	GV	2.72		0.2448		0.9520	4,052,800		364,752		1,418,480	5,836,032	463,843	5,372,189	
19	Vũ Hồng Tuyến	GV	2.72		0.2176		0.9520	4,052,800		324,224		1,418,480	5,795,504	459,588	5,335,916	
20	Ng Thị Thu Trúc	GV	2.41		0.1446		0.8435	3,590,900		215,454		1,256,815	5,063,169	399,667	4,663,502	
21	Hoàng Thị Giang	GV	0.000		0.0000		0.9520	0		0		1,418,480	1,418,480	0	1,418,480	Nghỉ TS
22	Hoàng T Lan Hương	GV	2.72		0.2448		0.9520	4,052,800		364,752		1,418,480	5,836,032	463,843	5,372,189	
23	Bùi Thanh Phương	GV	2.260		0.113		0.7910	3,367,400		168,370		1,178,590	4,714,360	371,256	4,343,104	
24	Hoàng Thị Điệp	GV	3.340		0.5010		1.1690	4,976,600		746,490		1,741,810	7,464,900	600,924	6,863,976	

	Hùng T Phương Loan	GV	2.460		0.1476		0.8610	3,665,400		219.924		1,282,890	5,168,214	407,959	4,760,255		
27	Hồ Bích Liên	GV	2.720		0.1904		0.9520	4,052,800		283,696		1,418,480	5,754,976	455,332	5,299,644		
28	Lưu Phương Dung	GV	2.100		0.2176		0.9520	4,052,800		324,224		1,418,480	5,795,504	459,588	5,335,916		
29	Nguyễn Thu Hằng	GV	1.785				0.7350	3,129,000		0		1,095,150	4,224,150	328,545	3,895,605		
30	Nguyễn Hồng Ngân	GV	0.000		0.0000		0.6248	2,659,650		0		930,952	3,590,602	279,263	3,311,339		
	Cộng		79.775	2.000	8.049	-	0.9520	0		0		1,418,480	1,418,480	0	1,418,480	Nghỉ TS	
II	**Hợp đồng theo nghị định 68**						29.015	118,864,750	2,980,000	11,986,642	-	43,232,797	177,070,855	14,052,996	163,011,195		
1	Nguyễn T Kim Thoa	CN	2.73														
2	Nguyễn T Bích Ngọc	CN	2.73	0.20				4,067,700					4,067,700	427,109	3,640,590		
3	Bùi T Thúy Ngà	CN	2.55					4,067,700	298,000				4,365,700	458,399	3,907,302		
4	Hoàng T Ngọc Dung	CN	2.73					3,799,500					3,799,500	398,948	3,400,553		
5	Nguyễn Bích Ngọc	CN	2.55					4,067,700					4,067,700	427,109	3,640,592		
6	Hoàng Thị Mỹ	CN	2.37					3,799,500					3,799,500	398,948	3,400,553		
7	Lê Khánh linh	CN	2.19					3,531,300					3,531,300	370,787	3,160,514		
8	Nguyễn Thanh Hường	BV	2.58					3,263,100					3,263,100	342,626	2,920,475		
9	Đỗ Hồng Khánh	BV	2.04					3,844,200					3,844,200	403,641	3,440,559		
10	Nguyễn Văn Thắng	BV	2.04					3,039,600					3,039,600	319,158	2,720,442		
	Cộng (II)		**24.510**	**0.20**	-	-	-	3,039,600					3,039,600	319,158	2,720,442		
III	**Thanh toán cá nhân khác**							**36,519,900**	**298,000**	-	-	-	**36,817,900**	**3,865,880**	**32,952,019**		
1	Nguyễn Thị Quỳnh Lan	KT	1.989					2,963,610					2,963,610	311,179	2,652,431		
	Cộng (III)		**1.989**					**2,963,610**					**2,963,610**	**311,179**	**2,652,431**		
	Tổng cộng lương		106.27	2.20	8.05	-	29.02	158,348,260	3,278,000	11,986,642	-	43,232,797	216,852,365	18,230,055	198,615,645		-

Bằng chữ: Một trăm chín mươi tám triệu, sáu trăm mười lăm nghìn, sáu trăm bốn mươi lăm đồng ./.

Ngày 09 tháng 02 năm 2022

Người lập bảng	Kế toán	Thủ trưởng đơn vị
Nguyễn Thị Quỳnh Lan	Nguyễn Thị Quỳnh Lan	Nguyễn Thị Phương Anh